

## TỪ GÓC NHÌN VĂN HÓA ĐỌC LẠI NGUYỄN MINH CHÂU

◆ PGS. TS. TÔN PHƯƠNG LAN

Nhiều người trong chúng ta vẫn còn quan niệm chưa rạch ròi hai khái niệm văn hóa và học vấn và nghĩ theo một logic đơn giản là, một người có học vấn nhất định, thì người ấy đã có ít nhiều kiến thức về văn hóa và có điều kiện hơn để tiếp thu văn minh và biến nó thành cái phong văn hóa của mình. Nói về văn hóa, có rất nhiều định nghĩa và cách diễn đạt khác nhau. Riêng tôi, tôi tâm đắc với ý kiến của F.Mayor, nguyên Tổng Giám đốc UNESCO khi định nghĩa về văn hóa : “Văn hóa bao gồm tất cả những gì làm cho dân tộc này khác với dân tộc khác, từ những sản phẩm tinh vi hiện đại nhất cho đến tín ngưỡng, phong tục, tập quán, lối sống, lao động”. Từ mẫu số chung văn hóa, nhiều dân tộc cũng có những từ số tương đồng, chẳng hạn như lòng yêu nước; vì vậy, tôi cho rằng văn hóa là cái cụ thể làm nên hình hài của dân tộc đó. Và tìm đến yếu tố văn hóa trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu, tôi cũng soi chiếu trên cơ sở này.

Nói đến văn hóa Việt Nam, điều đầu tiên cần được nói đến như một đặc trưng, dù nói cho cùng thì dân tộc nào cũng có những cách thể hiện của mình, đó là lòng yêu nước. Dân tộc Việt Nam ngay từ thuở sơ khai, trải mấy nghìn năm, đã luôn chịu những cuộc xâm lăng của ngoại bang, nên, để tồn tại, cần phải có lòng yêu nước, với tinh thần hy sinh vô bờ bến, tùy từng chỗ đứng khác nhau mà mỗi người mỗi lúc có những biểu hiện khác

nhau. Không phải ngẫu nhiên mà xuyên suốt như một tiêu điểm sáng chói nhất trong văn học trung đại là lòng yêu nước. Và chính lòng yêu nước mang bản sắc Việt mà bao nhiêu năm kẻ thù không những không thôn tính được đất đai đã đành mà cũng không thể đồng hóa được dân tộc ta xét về phương diện văn hóa.

Ngay từ khi mới bắt đầu cầm bút, cuối những năm sáu mươi của thế kỷ XX, đặc biệt là từ khi cuộc chiến tranh phá hoại của giặc Mĩ xảy ra, Nguyễn Minh Châu đã viết về lòng yêu nước của dân tộc Việt Nam nói chung và thanh niên nói riêng với tinh thần “Xé dọc Trường Sơn đi cứu nước”. Đọc lại những trang bút ký của ông, tôi như gặp lại cái khí thế hùng hục của đất nước trong những ngày cả hai miền Nam-Bắc cùng chung một trận tuyến chống sự xâm lược của kẻ thù. Từ những trang viết như “mò mẫm” trước đó, cái ăng-ten của ông đã thu được sóng và từ đây, mạch viết được khơi thông và tiếp tục phát sáng. Ông đã tiếp nhận và tiếp tục truyền đến người đọc năng lượng của tình yêu đất nước trước họa xâm lăng không chỉ trong những trang bút ký như *Tuổi trẻ cầm súng*, *Kỷ niệm hạm tàu*, *Dưới ánh đèn gầm...* là những phác thảo quý giá từ những chuyến đi thực tế, mà còn từ những cuốn tiểu thuyết: *Cửa sông*, *Dấu chân người lính*, *Lửa từ những ngôi nhà* cùng các bút ký và các truyện ngắn trong *Những vùng trời khác nhau* của ông. Các thế hệ người Việt ở

giai đoạn lịch sử này - từ những người cầm súng hoặc trực tiếp phục vụ chiến đấu ngoài mặt trận đến những người ở hậu phương, đủ các thành phần, lứa tuổi, vùng miền... các nhân vật của Nguyễn Minh Châu đều mang trong mình ý thức bảo vệ nền độc lập từ cha ông truyền lại. Ở đây, chúng ta chưa bàn đến tư duy sử thi chi phối nền văn chương nước ta một thời. Có thể viết về chiến tranh, trước 1975, Nguyễn Minh Châu chưa viết nhiều về cái mất mát, đau thương nhưng nỗi đau đó thì trong ông luôn thường trực mà *Di cảo* rời trong một số bài tiểu luận đăng trước khi ông mất đã cho thấy được. Đặc biệt trong *Phiên chợ Giát*, ra đời trong hoàn cảnh đổi mới tư duy nghệ thuật, là tác giả của *Hãy đọc lời ai điếu cho một giai đoạn văn nghệ minh họa*, ông viết về nỗi đau của người cha mất con như một tuyệt bút. Lúc này đất nước đã có những năm hòa bình và cái gia đình lão nông Khúng lâu nay vốn luôn quây quần đông vui và phát triển nên tin đứa con trai từng xung phong nhập ngũ từ trận bay về đã làm cả nhà tê dại. Nỗi đau đó được Nguyễn Minh Châu thể hiện rất khác với cách viết về nỗi đau của chính ủy Kinh khi nghe tin con trai Lữ hy sinh trong trận huyết chiến ở Đồi không tên trong *Dấu chân người lính*. Giọt nước mắt hiếm hoi khóc con lần đầu tiên rơi ra từ linh cảm của người đàn ông một đời tham gia trận mạc - khi nghe cô văn công mà thời học sinh Lữ từng quen và cảm mến hát - có thể nói, như là giọt máu; từ trong sâu thẳm, không hề khác với nỗi đau câm lặng vật vờ của lão Khúng sau này. Lúc này đang chiến tranh, không chỉ Chính ủy Kinh mà còn bao nhiêu người cha, người mẹ có con tham gia chiến đấu cùng chịu những nỗi đau như vậy, nhất là ông Kinh với cương vị chính ủy trung đoàn. Và

Nguyễn Minh Châu cũng như những nhà văn chiến sĩ khác đã thể hiện cái gan góc, tinh thần hi sinh của dân tộc qua những người trực tiếp cầm súng. Rộng hơn, lòng yêu nước của nhân dân trước sự mất còn của Tổ quốc còn được ông thể hiện đặc sắc ở thái độ chấp nhận của những người phụ nữ. Chồng hi sinh, sau một thời gian đau khổ trong âm thầm lặng lẽ, Phượng quyết định đi bước nữa với Chung vì chị biết anh có quyết định trở về miền Nam chiến đấu. Đã một lần đau xót nhận tin chồng hi sinh, làm sao Phượng lại không nghĩ là rất có thể Chung cũng lại không trở về cùng chị. Và chẳng là tình thương, là ý thức muốn bù đắp những đau khổ, thiếu thốn mà Chung đã âm thầm chịu đựng bao lâu nay và sắp tới là những nguy hiểm đang chờ đợi, dường như là một điều không thể khác ở người phụ nữ này? Và chẳng là trong tình cảm của chị đối với chồng có căn tính của tình mẫu tử, tình chị em nên chị muốn được bao bọc, săn sóc cho anh? (*Lửa từ những ngôi nhà*). Đặc tính này có thể nhìn thấy ở Nết khi cô săn sóc Lượng (*Dấu chân người lính*). Cũng như mẹ Êm, có đến bốn đời chồng - chồng này chết bà lại lấy chồng khác như một cách khẳng định tính bất diệt của sự sống (*Miền cháy*). Lược hi sinh, Thai lấy chồng vẫn đưa bố chồng đến ở cùng trong nhà chồng mới và không nguôi nhớ về người chồng cũ hiện diện trong ngôi mộ gió mà bao lâu nay chị vẫn hương khói đều đặn (*Cỏ lau*). Ở đây, không thể lấy đạo tam tòng của Khổng Tử để đo kích tấc phẩm hạnh của những người phụ nữ đó. Ngoài ý thức "giặc đến nhà đàn bà cũng đánh", cách suy nghĩ và hành động của nhiều nhân vật phụ nữ trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu bao giờ cũng hàm chứa bản sắc nhân văn đối lập với cái khốc

liệt của chiến tranh, cái bạc bẽo của số phận. Bà Thịnh đã chăm nuôi bố chồng, nuôi con cho chồng đi kháng chiến nhưng đến khi hòa bình, ông trở về lại mang theo một người đàn bà khác trẻ đẹp hơn cùng hệ quả của mối quan hệ này là một cậu bé con. Chẳng nói gì bà, đến bố đẻ của ông cũng giận. Bình thường, hai bà không thân thiện với nhau. Bao năm ông Thịnh luôn sống trong tâm trạng day dứt về “tội lỗi” của mình đối với người vợ cả và không tìm ra cách để cho hai bà vợ hòa hợp. Vậy mà đến khi chiến tranh xảy ra, bà Thịnh đã chủ động phá băng mối quan hệ đó để cho các con lên đường yên tâm làm nhiệm vụ (*Cửa sông*). Nhấn nhẹn như một thái độ cam chịu hay là biểu hiện của một sức sống? Một thái độ vị tha hay con người biết dẹp tình riêng trước nguy cơ mất nước? Rất khó để phân biệt một cách rạch ròi. Có một điều, như một quan niệm thấu suốt của người Việt: “Còn da lông mọc, còn chồi nảy cây”. Đây là một đặc điểm của văn hóa yêu nước trong tính cách nhân vật mà Nguyễn Minh Châu nhìn thấy được và thể hiện xuyên suốt trong nhiều tác phẩm của mình. Tính cách ấy bắt nguồn từ văn hóa của người Việt.

Văn hóa yêu nước của người Việt vốn có cơ sở, nói cho đúng hơn là gắn bó chặt chẽ với tình yêu gia đình, quê hương. Nguồn tình cảm đó như một thứ rễ bám chắc vào cuộc sống mỗi con người, là nơi trú ngụ của tâm hồn những lúc buồn vui, cũng là ánh sáng phía trước trên lộ trình của mỗi đời người. Vậy nhưng khi đất nước có họa xâm lăng, tình cảm gia đình không còn là sự níu kéo dẫu mọi sự chia ly vĩnh viễn có thể xảy ra, dẫu tổn thương về thể xác, tinh thần là điều không tránh khỏi. Nói như nhà văn Erenbur (Nga) là “lòng yêu nhà, yêu làng

xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc”. Nếu như ở *Cửa sông*, *Mảnh đất tình yêu*, Nguyễn Minh Châu viết về lòng yêu nước của những người nông dân ở những làng quê miền duyên hải thì *Lửa từ những ngôi nhà* có thể coi như một thể hiện đặc sắc tấm lòng yêu nước của những công dân Thủ đô. Những cảm nhận từ tấm lòng của vợ và con gái, từ mẹ người bạn vốn là đồng đội của Nhân đã hi sinh, có một người con khác đang là chiến sĩ trong đơn vị anh cùng được về phép trước khi vào chiến trường, một người nữa sẽ nhập ngũ, mà đến dự buổi tiễn, chứng kiến sự điếm tịch của bà và những người mẹ khác, tự trong sâu thẳm lòng mình, anh đã xiết bao kinh ngạc và cảm phục. Ngày thu quân, Nhân rất sung sướng vì những gì anh có được không chỉ là quân số đầy đủ mà còn là tình cảm gia đình, hậu phương đã như những ngọn lửa ấm tiếp thêm nhiệt năng cho người lính trước khi họ tiếp tục đối mặt với những khốc liệt của chiến tranh. Điều này khiến ta hiểu thêm về cuộc chia tay bất đắc dĩ của Lan với Phong bởi trong cảm nhận của Lan, dẫu Phong có những phẩm chất tốt đẹp của một người chiến sĩ trong chiến đấu nhưng trong cuộc sống đời thường Phong không biết coi trọng giá trị của tình cảm. Chính cách ứng xử của Phong đã khiến cho Nhân vỡ ra “tiêu chuẩn đạo đức của mỗi người trong những năm đánh giặc là lòng dũng cảm trước kẻ thù nhưng ngay cả đối với những chiến sĩ cầm súng đứng giáp mặt với kẻ thù, tinh thần dũng cảm cũng không phải là tiêu chuẩn đạo đức duy nhất”.

Lòng yêu nước của người lính sau chiến tranh còn được Nguyễn Minh Châu thể hiện qua chân dung những người lính vừa phải tiếp tục sứ mạng dựng xây đất nước sau

chiến tranh vừa phải chống lại âm mưu gây chiến của giặc ngoại xâm trong tiểu thuyết *Những người đi tù trong rừng ra*. Họ đã hết lòng hết sức trong cuộc chiến đấu với đối nghèo đây gian nan vất vả đòi hỏi không chỉ có tinh thần trách nhiệm mà còn là kinh nghiệm và tri thức. Cũng trong tác phẩm này và trong những tác phẩm khác viết sau 1975 như *Mảnh đất tình yêu*, Nguyễn Minh Châu đi sâu vào mối quan hệ tình người trong nhân dân: chở che, đùm bọc nhau trong bất kỳ hoàn cảnh nào, nhất là đối với những người bộ đội. Mối tình cảm ấy không đơn giản là tình cảm đối với cách mạng. Nhìn sâu vào sẽ thấy cội nguồn sâu xa và giản dị của nó là sự sẻ chia đối với những người chịu đựng sự hi sinh tình cảm gia đình vì việc nước vốn có trong truyền thống “nhiều điều phủ lấy giá gương...”

Nằm trong dòng chảy của dòng văn học sử thi viết về chiến tranh, Nguyễn Minh Châu cũng như nhiều nhà văn khác cùng thời đã viết về lòng yêu nước của nhân dân nhưng đa dạng trên nền truyền thống kết hợp với hiện đại. Nét truyền thống mà ông khơi sâu và đạt được độ thâm thấu qua thời gian là khi ông biết đào vào cái gốc sâu của nghĩa tình và ở đấy ông chạm vào được những vấn đề đạo đức, gia phong... vốn là một phạm trù của lối sống, của văn hóa Việt. Những xúc cảm về tình yêu Thủ đô: yêu từng gốc cây, ngọn gió, khí trời, yêu từng con phố vốn có trong căn tính của một dân tộc, yêu thiên nhiên của Nhân đã làm nên những xúc động sâu xa trong tâm hồn người Hà Nội ấy trước lúc đi vào chiến trường (trong *Lúa từ những ngôi nhà*) và lan tỏa, truyền cảm hứng cho người đọc. Tình yêu đó thêm một lần được thể hiện sâu sắc, đầy chất nhân văn trong thiên truyện *Sống*

*mãi với cây xanh*. Liệu có bị coi là lảm cẩm hay không khi một ông lão lại trò chuyện trải lòng cùng cây cối, như nghe được tiếng nói của đất đai, hiểu được tâm tính của cây, tưởng như da thịt mình cũng rất bỏng khi nhìn đám cây non ở vườn ươm bị cháy sém vì sương muối, tưởng như tay chân mình đang bị cưa gẫy khi ông thuận lòng để tay tổ phó “xẻ thịt” cây sấu cổ thụ trước nhà... Với ông, cây là người, là bạn. Mà không riêng gì ông lão trồng cây, cả bà bán xôi lúa, cả cô Loan đều cảm thấy cái con ngõ nhỏ là một phần đời sống của mình. Loan như con chuột chũi vì ngại xê dịch nên cứ bám vào con ngõ mà ở chứ không chịu chuyển đi đâu. Rồi Huân, chàng trai tài hoa, từng đặt chân đến nhiều nước, đã tìm về ngõ nhỏ trong con phố này như lá rụng về cội vì cha anh sinh ra và lớn lên rồi hi sinh như mọi chiến sĩ cảm tử trong ngày đầu kháng chiến chống Pháp. Ở đó, anh tìm thấy hạnh phúc của mình trước khi tham gia vào cuộc chiến tranh biên giới và cũng không trở về với người vợ trẻ đang mang trong mình giọt máu của anh. Dòng máu quê hương chảy trong từng huyết quản, nhắc con người gắn kết và tìm về với nguồn cội, tổ tông. Đó cũng là điều mà Nhĩ đã kịp “sửa sai” khi con người từng đi khắp cuối đất cùng trời cho đến khi ốm đau, nằm trong nhà, nhìn ra cái bến quê mới cảm nhận được. Phải chăng đó là biểu hiện của văn hóa Việt?

Trong số những nhà văn cùng thế hệ, Nguyễn Minh Châu là nhà văn viết nhiều về thiên nhiên, không chỉ là đại ngàn Trường Sơn hoang vu đã bùng thức bởi những bước chân hành quân của những dấu chân người lính, không chỉ là biển cả gần gũi nhưng cũng đầy bí ẩn của mảnh đất tình yêu Quảng Trị gắn kết với cuộc đời của

những lão ngư gọi ta nhớ đến Heminwe trong *Ông già và biển cả*. Những trang viết về biển của Nguyễn Minh Châu như không chỉ đưa lại cho ta cảm giác về sự khắc nghiệt của thiên tai trong vụ “nổ cửa” nhấn chìm cả làng trong tích tắc, những nhọc nhằn trong mưu sinh, những vật vã của số phận người mà còn là những vẻ đẹp thiên phú trong những buổi bình minh hay hoàng hôn. Ông là người cảm nhận sâu sắc vẻ đẹp của thiên nhiên Hà Nội dưới một bề dày trầm tích trong *Lửa từ những ngôi nhà* và nông thôn trong *Khách ở quê ra, Phiên chợ Giát, Bến quê...* Viết về thiên nhiên vốn là một đặc điểm của văn chương Việt từ xa xưa. Nhưng viết với tình yêu và nỗi trăn trở như ông thì cũng không thật nhiều. Cây cối là một phần của đời sống con người. Ông đã từng đau nỗi đau với ông Thông khi cây sấu già - chứng nhân ở con ngõ nghèo của những người lao động nghèo - bị xẻ thịt bởi kẻ thực dụng nhìn ra ở đấy những bộ sa-lông, chiếc tủ búp-phê vốn đang là một nhu cầu của thị trường. Gần 40 năm về trước, ông đã trăn trở “Chinh phục thiên nhiên? Đúng, đời sống loài người là một chuỗi dài quá trình chinh phục thiên nhiên, nhưng cũng thật là thiếu thỏa đáng và thậm chí nguy hiểm, nếu không nghĩ đến hòa hợp với thiên nhiên. Từ giữa phố phường đông đúc, đã bao giờ bạn đi ra sông Hồng nghe tiếng hát của phù sa và bờ bãi? Đã bao giờ bạn dừng bước trên hè phố nâng một cành cây bị gãy? Có phải tình yêu của các bạn được ấp nói lên trong màu xanh của hàng cây? Và nhất là tuổi thơ, hãy trả lại cho tuổi thơ những nội cỏ và bóng râm mát của cổ thụ, quả sấu dầm và cảm giác đi trong rừng...”. Khu nhà bốn tầng hai mươi năm sau khi Huân (người tham gia dự án lãng mạn và điềm tỉnh tin rằng: dù còn

rất lâu dài Hà Nội cũng sẽ vừa xanh ngắt cây cối vừa vươn lên bằng những ngôi nhà chọc trời) hi sinh, nằm trên con phố ấy giờ không có một bóng cây xanh há chẳng phải là dự báo về những khu đô thị mới đang đây rẫy gây bao bức xúc trên phố phường Hà Nội ngày nay? Và lão Khúng dám bỏ làng, lên khai khẩn biến vùng đất hoang trở thành trù phú, kéo theo bao nhiêu gia đình khác cùng lên, không chỉ thể hiện nhu cầu mưu sinh mà ở đây còn là tình yêu đối với đất đai, cây cỏ. Lão Khúng đã “tranh chấp với rừng từng bước chân, không chỉ trả giá bằng mồ hôi và máu” và lão đã lăn lộn cùng chúng, nuôi dưỡng chúng. Lão Khúng trở thành một thứ “hoa của đất” với ý nghĩa đích thực.

Không để cho lão Khúng vào hợp tác xã, tự đi khai hoang, biến đồi hoang thành trang trại ít lâu sau dưới con mắt của Bí thư Huyện ủy, đã trở thành “dinh lũy cuối cùng của sự làm ăn cá thể”, phải nói vào thời điểm ấy, Nguyễn Minh Châu không chỉ nhìn thấy sai lầm trong cách làm ăn của mô hình hợp tác xã mà chính là ông nhìn ra bản chất của con người nông dân miền Trung này tuy gàn dở nhưng cần kiệm, biết nhìn ra những giá trị đích thực cho cuộc đời. Ẩn dưới một vẻ ngoài ngang ngạnh của lão Khúng là một tình cảm chân thành trong *Khách ở quê ra*, một lão Khúng luôn đau đáu nỗi niềm về tình người, thời cuộc trong *Phiên chợ Giát*. Do biết cách nhìn sâu vào số phận cá nhân, nhìn sâu vào thân phận con người từ những hoàn cảnh cụ thể để thấy được nét truyền thống trong sự hài hòa với hiện đại mà Nguyễn Minh Châu đã xây dựng nên những nhân vật thoát ra được lối mòn trong quan niệm về con người - nhân

vật phổ biến lúc bấy giờ. Lão Khúng chấp nhận lấy Huệ vì Huệ đẹp và là người thành phố. Nhưng từ trong sâu thẳm tâm hồn, nếu không có lòng nhân ái, sự bao dung thì làm sao lão Khúng - một người thích nổi tiếng lại có thể lấy một người chữa hoang, lại có thể coi Dũng như con ruột của mình; cả đến lúc tiễn Dũng đi bộ đội, lão trở nên như một cụ già khi “khúm núm trước cái anh bộ đội cấp thượng úy, khẩn nài: đừng để nó phải khổ, đừng để nó đói rét...” và cứ quanh quẩn bên cái toa tàu Dũng đang ngồi, hết mua hoa quả lại bánh trái dúm vào tay bắt nó ăn”. Nếu không có tình thương và lòng bao dung thì biết thằng bé thứ tư không phải con mình, lão vẫn yêu thương nó như những đứa con khác và cái gia đình ba cha một mẹ ấy vẫn ấm êm. Nói là đơn thuần chỉ vì lão Khúng quý những đứa con riêng của vợ bởi đó là nguồn lực lao động thì chưa thật công bằng. Lão “thương người như thể thương thân”, nhất là sau này khi Huệ nhận nhin, trở thành một người vợ thần phục chồng bởi nghĩa cử của lão cứu chị chuyển dạ giữa rừng heo hút. Cũng như người đàn bà làng chài chấp nhận những trận đòn tàn bạo của chồng, xin tòa không ly dị vì hơn ai hết, sống với nhau đã mấy mặt con, bà hiểu đó là những sự giải tỏa bất đắc dĩ của chồng khi gánh nặng mưu sinh đè trĩu lên vai ông và mọi sinh hoạt của hai vợ chồng chỉ quanh quanh trên chiếc thuyền nhỏ với đàn con đông đúc... Khám phá con người từ cái nghĩa cái tình, Nguyễn Minh Châu đã tìm ra những tầng via mới, khai sáng cho ngòi bút của mình bởi như ông nghĩ: “Chúng ta đào bằng ngòi bút cho sâu đến tận cùng đáy cái thật chứa đầy bí ẩn, đầy nỗi niềm nguồn cơn của con người đất nước mình thì sẽ gặp

nhân loại, sẽ gặp cái nhân bản của nhân loại, sẽ giao hòa với nhân loại”. Cái tình, cái nghĩa ấy được xem như một thước đo, một tiêu chí của chuẩn mực đạo đức và từ đó, ông khám phá, sáng tạo, tạo nên một thế giới nghệ thuật đa dạng, mang đậm bản sắc vùng miền, nghề nghiệp, thể thái nhân tình đầy chất nhân văn. Điều này thể hiện rất rõ trong các truyện ngắn viết sau chiến tranh của ông, như chúng ta đã biết.

Viết nên những tâm huyết của mình trong phê bình tiểu luận, Nguyễn Minh Châu đã thể hiện nỗi khao khát đổi mới đối với văn chương nước nhà trên hành trình phát triển để “hòa đồng cùng nhân loại”. Tôi đã có một bài viết về vấn đề này, xin không tiếp tục ở đây. Tôi cho rằng bản lĩnh của ông trong những năm cuối đời là bản lĩnh của một nhà văn hóa, nhất là đặt sáng tác của ông trong trường viết phê bình tiểu luận và *Di cảo* xuất bản hai mươi năm sau khi ông mất. Ông viết không vì cái danh nhà văn đã được mặc định trong thế hệ nhà văn chống Mĩ. Những trang viết của ông vào những năm cuối đời mang niềm mơ ước, sự trăn trở và bất lực trước tuổi tác và thời cuộc nhất là khi biết mình trọng bệnh. Trong những tháng ngày điều trị, tôi dám chắc ông đau đớn vì bao nhiêu dự định sẽ vĩnh viễn chỉ nằm trên giấy và rồi sẽ lặng lẽ theo ông trong một cuộc ra đi... Thời gian như bụi phủ lên vạn vật và sáng tác của Nguyễn Minh Châu cũng không nằm ngoài thông lệ đó. Nhưng bụi thời gian không làm mờ những giá trị văn chương khi mà sáng tác của ông tiềm ẩn những thông điệp văn hóa sáng giá. Những gì ông mong muốn, đồng nghiệp các thế hệ đang đồng hành và đã làm nên diện mạo văn học thời kỳ đổi mới đầy khởi sắc. □